

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty X**

Trụ sở: Số 22 phố H, phường L, quận H, thành phố H.

Người đại diện ủy theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thái A – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Y – Chi nhánh C (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2020)

Địa chỉ: Số 95-97-99 đường V, phường T, quận N, thành phố C.

- Bị đơn: **Công ty C**

Trụ sở: Số 112F đường T, phường C, quận N, thành phố C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị B

Địa chỉ: Số 112F đường T, phường C, quận N, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Nguyễn Văn L (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2017).

Công ty A

Trụ sở: Số 388 đường M, phường B, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Tú A – Chức vụ: Giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty C có trách nhiệm trả cho Công ty X số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 01/4/2021 là 150.413.040.064 đồng (trong đó nợ gốc 75.067.369.658 đồng; nợ lãi trong hạn 54.935.226.451 đồng; nợ lãi quá hạn 20.410.443.954 đồng). Các đương sự thống nhất thời gian và cách trả như sau:

- Nếu trong thời hạn 45 ngày (tính đến hết ngày 15/5/2021) mà phía Công ty C trả được cho Công ty X số tiền gốc và lãi tổng cộng là 105.000.000.000 đồng (*Một trăm lẻ năm tỷ đồng*) thì phía Công ty X sẽ miễn cho Công ty C số tiền lãi còn lại nêu trên.

- Nếu trong thời hạn 45 ngày (tính đến hết ngày 15/5/2021) mà phía Công ty C không trả được cho Công ty X số tiền gốc và lãi tổng cộng là 105.000.000.000 đồng (*Một trăm lẻ năm tỷ đồng*) thì phía Công ty C phải có trách nhiệm trả cho Công ty X số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 01/4/2021 là 150.413.040.064 đồng (trong đó nợ gốc 75.067.369.658 đồng; nợ lãi trong hạn 54.935.226.451 đồng; nợ lãi quá hạn 20.410.443.954 đồng). Kể từ ngày 02/4/2021 Công ty C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Công ty X được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ (nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho Công ty X) theo các hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp số MD1307200318A ngày 13/3/2013 đã được Công chứng tại Phòng công chứng số 1 thành phố C ngày 13/3/2013, số công chứng 270, quyền số 01/2013/TP/CC-SCC/HĐGD ký giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Văn L và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01/MD1307200318A ngày 15/10/2014 đã được Công chứng tại Phòng công chứng số 1 thành phố C ngày 15/10/2014, số công chứng 317, quyền số 03/2014/TP/CC-SCC/HĐGD ký giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Văn L.

+ Hợp đồng thế chấp số MD1307200318B ngày 13/3/2013 đã được Công chứng tại Phòng công chứng số 1 thành phố C ngày 13/3/2013, số công chứng 213, quyền số 01/2013/TP/CC-SCC/HĐGD ký giữa Ngân hàng T với Công ty C và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/MD1307200318B ngày 15/10/2014 đã được Công chứng tại Phòng công chứng số 1 thành phố C ngày 15/10/2014, số công chứng 318, quyền số 03/2014/TP/CC-SCC/HĐGD ký giữa Ngân hàng T với Công ty C; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/MD1307200318B ngày 18/11/2014 đã được Công chứng tại Phòng công chứng số 1 thành phố C ngày 18/11/2014, số công chứng 850, quyền số 03/2014/TP/CC-SCC/HĐGD ký giữa Ngân hàng T với Công ty C.

2. Công ty C có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền 10.070.000.000 đồng (*Mười tỷ, không trăm bảy mươi triệu đồng*). Thời gian và cách trả: Sẽ giải quyết tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố C. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí KDTM Sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 106.500.000 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) và phần án phí bị đơn phải chịu theo yêu cầu của Công ty A là 59.035.000 đồng (*Năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng*). Tổng án phí bị đơn phải chịu là 165.535.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại 99.576.000 đồng (*Chín mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 003124 ngày 25/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, Tp. C.

Công ty A được nhận lại 59.035.000 đồng (*Năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008203 ngày 03/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, Tp. C.

- Chi phí thẩm định, định giá: 5.820.000 đồng, bị đơn phải nộp. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng, bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 5.820.000 đồng (*Năm triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. N, TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Tuyết Phương